

Số: 110/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 12 tháng 01 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao đất cho Ủy ban nhân dân xã An Phước quản lý tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 24/2014/TT-BTNMT ngày 19 tháng 5 năm 2014 của Bộ Trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ địa chính;

Căn cứ Thông tư 30/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Quyết định số 2976/QĐ-UBND ngày 24 tháng 8 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt Phương án Quản lý và khai thác sử dụng quỹ đất công trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ kế hoạch số 9448/KH-UBND ngày 05 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc rà soát, xử lý tồn tại đối với đất do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1195/TTr-STNMT ngày 29 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao Ủy ban nhân dân xã An Phước tiếp tục quản lý 10 thửa đất tại xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai, cụ thể:

1. Tờ bản đồ địa chính số 68, thửa đất số 192, diện tích 5.305,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ



địa chính số 1467/2021 tỷ lệ 1:2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

2. Tờ bản đồ địa chính số 60, thửa đất số 45, diện tích 5.531,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1460/2021 tỷ lệ 1:2000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

3. Tờ bản đồ địa chính số 56, thửa đất số 133, diện tích 2.623,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1464/2021 tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

4. Tờ bản đồ địa chính số 52, thửa đất số 57, diện tích 3.414,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1451/2021 tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

5. Tờ bản đồ địa chính số 52, thửa đất số 73, diện tích 80,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1453/2021 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

6. Tờ bản đồ địa chính số 67, thửa đất số 106, diện tích 753,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và đo chỉnh lý thửa đất bản đồ địa chính số 1448/2021 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

7. Tờ bản đồ địa chính số 56, thửa đất số 247, diện tích 3.039,8 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1452/2021 tỷ lệ 1:1000 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

8. Tờ bản đồ địa chính số 52, thửa đất số 83, diện tích 931,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1449/2021 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (*kèm theo*).

trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (kèm theo).

9. Tờ bản đồ địa chính số 34, thửa đất số 133, diện tích 310,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1469/2021 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (kèm theo).

10. Tờ bản đồ địa chính số 60, thửa đất số 23, diện tích 183,0 m². Vị trí, ranh giới, diện tích được xác định theo tờ Trích lục và biên vẽ thửa đất bản đồ địa chính số 1462/2021 tỷ lệ 1:500 do Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường thực hiện ngày 22 tháng 10 năm 2021 và Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai ký xác nhận ngày 27 tháng 10 năm 2021 (kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Căn cứ Điều 1 Quyết định này:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm: chỉ đạo Văn phòng Đăng ký Đất đai tỉnh Đồng Nai thực hiện việc cập nhật thông tin vào hồ sơ địa chính, cơ sở dữ liệu đất đai.

2. Giao Ủy ban nhân dân xã An Phước quản lý chặt chẽ khu đất, không để đất bị lấn, chiếm, không được cho thuê, cho mượn trái quy định pháp luật, bàn giao lại đất khi nhà nước thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Cục trưởng Cục thuế, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Long Thành, Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Long Thành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã An Phước chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP.UBND tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử (đăng tin);
- Lưu VT, KTN.

Vinh ktn

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



***Võ Văn Phi**